

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN

CHỨC DANH: Phó giáo sư

Mã hồ sơ:



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ; Nội dung không đúng thì để trống:)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ; Giảng viên thỉnh giảng

Ngành: Y học; Chuyên ngành: Ung thư

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN:

1. Họ và tên người đăng ký: LÊ THANH ĐỨC

2. Ngày tháng năm sinh: 17/8/1972 ; Nam ; Nữ ; Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam:

4. Quê quán (xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố):

Xã Xuân Bắc, huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố/thôn, xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): Số 1 ngách 46/20 Trương Mai, phường Đồng Tâm, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.

6. Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bưu điện):

TS. Lê Thanh Đức

Khoa Nội 5- Bệnh viện K, Số 30 Cầu Bươu – Tân Triều – Thanh Trì – Hà Nội.

Điện thoại nhà riêng: 02462812124 ; Điện thoại di động: 0913034559 ;

E-mail: ducthanhle1972@gmail.com

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

- Từ tháng 3/1996 đến tháng 12/1997: Bác sĩ hợp đồng tại Khoa Hóa chất, Bệnh viện K.

- Từ tháng 1/1998 đến tháng 4/2006: Bác sĩ điều trị tại Khoa Hóa chất, Bệnh viện K.

- Từ tháng 5/2006 đến tháng 1/2007: Được giao nhiệm vụ Phó Trưởng khoa Nội 2, Bệnh viện K.

- Từ tháng 2/2007 đến tháng 7/2012: Phó Trưởng khoa Nội 2, Bệnh viện K.

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

- Từ tháng 8/2012 đến tháng 7/2013: Phụ trách khoa Nội 5, Bệnh viện K.

+ Từ tháng 8/2013 đến nay: Trưởng khoa Nội 5, Bệnh viện K.

+ Từ tháng 1/2021 đến nay: Phụ trách cơ sở Phan Chu Trinh;

Trưởng khoa Nội 5, Bệnh viện K

Chức vụ hiện nay: Phụ trách cơ sở Phan Chu Trinh; Trưởng khoa Nội 5, Bệnh viện K

Chức vụ cao nhất đã qua: Phó Trưởng khoa Nội 2, Bệnh viện K

Cơ quan công tác hiện nay: Bệnh viện K

Địa chỉ cơ quan: 30 Cầu Bươu, xã Tân Triều, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội

Điện thoại cơ quan: 0243.533.8900

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có): Trường Đại học Y Hà Nội

8. Đã nghỉ hưu: Chưa

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có):

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ): Trường Đại học Y Hà Nội

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng ĐH ngày 15 tháng 9 năm 1995; số hiệu bằng: A39519, số vào sổ bằng: CQ 81-95; ngành: Y (Phân hiệu Y Hải Phòng), chuyên ngành: Bác sĩ đa khoa; Nơi cấp bằng ĐH (trường, nước): Trường Đại học Y Hà Nội, Việt Nam.

- Được cấp bằng ThS ngày 15 tháng 02 năm 2006; số bằng: 0971, No. A023103; ngành: Y học; chuyên ngành: Ung thư; Nơi cấp bằng ThS (trường, nước): Trường Đại học Y Hà Nội, Việt Nam.

- Được cấp bằng TS ngày 10 tháng 3 năm 2015; số hiệu bằng: 003831, số vào sổ cấp bằng: 00219; ngành: Y học; chuyên ngành: Ung thư; Nơi cấp bằng TS (trường, nước): Trường Đại học Y Hà Nội, Việt Nam.

10. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh: Phó giáo sư tại HĐGS cơ sở: Trường Đại học Y Hà Nội

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh: Phó giáo sư tại HĐGS ngành, liên ngành: Y học

12. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

- **Hướng nghiên cứu 1: Nghiên cứu chẩn đoán, điều trị và những tiến bộ mới trong ung thư vú.**

- **Hướng nghiên cứu 2: Nghiên cứu chẩn đoán, điều trị và những tiến bộ mới trong ung thư phụ khoa (ung thư cổ tử cung, ung thư thân tử cung, ung thư buồng trứng,...).**

- **Hướng nghiên cứu 3: Nghiên cứu chẩn đoán và điều trị một số bệnh ung thư phổ biến ở Việt nam (phổi, đường tiêu hóa, đầu cổ, hệ tiết niệu, sinh dục, u lympho ác tính,...).**

13. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn 01 NCS bảo vệ thành công luận án TS

- Đã hướng dẫn 17 HVCH/CK2/BSNT bảo vệ thành công luận văn ThS/CK2/BSNT

- Đã hoàn thành đề tài NCKH từ cấp cơ sở trở lên:

+ Chủ nhiệm 14 và tham gia 02 đề tài cấp cơ sở đã nghiệm thu

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

- + Chủ nhiệm 01 và tham gia 02 đề tài cấp Bộ Y tế đã nghiệm thu
- + Chủ nhiệm 01 và tham gia 02 thử nghiệm lâm sàng cấp Bộ Y tế đã nghiệm thu.
- + Tham gia 03 đề tài cấp Nhà nước đã nghiệm thu.
- Đã công bố 80 bài báo khoa học, trong đó 09 bài báo khoa học trên tạp chí quốc tế có uy tín;
- Số lượng sách đã xuất bản: 10, trong đó 10 sách thuộc nhà xuất bản có uy tín;
- Số lượng tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục, thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế: Không.

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

- Chủ tịch nước CHXHCN Việt Nam tặng danh hiệu “Thầy thuốc ưu tú” (Quyết định Số 2045/QĐ-CTN ngày 17/11/2020).
- Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ năm 2019 vì “Đã có thành tích xuất sắc trong công tác, góp phần vào sự nghiệp bảo vệ và chăm sóc sức khỏe nhân dân” (Quyết định số 857/QĐ-TTg ngày 10/7/2019).
- Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Y tế:
 - + Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Y tế năm 2009 vì “Đã có thành tích xuất sắc trong công tác thực hiện Đề án 1816 của Bộ Y tế” (Quyết định số 4614/QĐ – BHYT ngày 24/11/2009 của Bộ trưởng Bộ Y tế).
 - + Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Y tế năm 2018 vì “Đã có thành tích xuất sắc thực hiện nhiệm vụ, kế hoạch công tác Y tế năm 2018” (Quyết định số 1421/QĐ-BYT ngày 17/4/2019 của Bộ trưởng Bộ Y tế).
 - + Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Y tế năm 2019 vì “Đã có thành tích trong công tác điều trị, cứu sống người bệnh” (Quyết định số 3121/QĐ-BYT ngày 15/7/2019 của Bộ trưởng Bộ Y tế).
 - + Bộ trưởng Bộ Y tế tặng “Kỷ niệm chương vì sức khỏe nhân dân” (Quyết định Số 537/QĐ-BYT ngày 14 tháng 02 năm 2019).
- Chiến sĩ thi đua cấp bộ năm 2020 (Quyết định số 3375/QĐ-BYT ngày 31/7/2020 của Bộ trưởng Bộ Y tế).
- Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở các năm: 2017, 2018, 2019, 2021, 2022.
- Liên tục đạt danh hiệu Lao động tiên tiến cấp cơ sở.

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định): Không.

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:

- Trung thành với tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, yêu nghề, tận tâm cống hiến cho sự nghiệp bảo vệ và chăm sóc sức khỏe nhân dân, sự nghiệp đào tạo của ngành Y.
- Là một giảng viên kiêm nhiệm có tinh thần trách nhiệm cao, hết lòng với các thế hệ học viên. Là một cán bộ quản lý tận tâm với công việc, luôn hướng đến các mục tiêu cao cả của Ngành Y.
- Phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, luôn khiêm tốn hòa đồng, chịu khó học hỏi.

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

- Chấp hành tốt mọi nội quy, quy chế trong đào tạo, nghiên cứu khoa học của nhà trường và của cơ quan.
- Quan hệ tốt với đồng nghiệp, đúng mực với học viên. Luôn chia sẻ kiến thức, kinh nghiệm với sinh viên, học viên và đồng nghiệp.
- Chuẩn bị nội dung đầy đủ, phong phú khi được tham gia giảng dạy. Chất lượng giảng dạy tốt, được học viên đánh giá cao. Hướng dẫn nhiều học viên bảo vệ luận văn, luận án với kết quả cao.
- Kết hợp tốt giữa công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân với giảng dạy và nghiên cứu khoa học.
- Hoàn thành xuất sắc các nhiệm vụ được giao, có nhiều đóng góp xây dựng cơ quan.

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Tổng số năm thực hiện nhiệm vụ đào tạo: 07 năm
- Khai cụ thể ít nhất 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ (ứng viên GS chỉ khai 3 năm cuối liên tục sau khi được công nhận PGS):

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn	Số đề án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số giờ chuẩn giảng dạy trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp/số giờ chuẩn gd quy định mức (*)
		Chính	Phụ			ĐH	SĐH	
1	2017-2018			02			143,2	143,2/193,2/135
2	2018-2019			03			143,2	143,2/218,2/135
3	2019-2020			04			138,2	138,2/221,5/135
03 năm học cuối								
4	2020-2021		01	04			146,4	146,4/279,7/135
5	2021-2022			02			162	162/262/135
6	2022-2023			04 (Đang HD)			185	185/185/135

(*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến trước ngày 11/9/2020, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT;

- Từ ngày 11/9/2020 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học, trong đó định mức của giảng viên thỉnh giảng được tính trên cơ sở định mức của giảng viên cơ hữu.

3. Ngoại ngữ:

3.1. Tên ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh.

a) Được đào tạo ở nước ngoài:

- Học ĐH ; Tại nước:

- Bảo vệ luận văn ThS hoặc luận án TS hoặc TSKH ; Tại nước:

- Postdoctoral Fellowship Program (tạm dịch: Chương trình Học bổng sau tiến sĩ) tại Đại học Texas, Trung tâm Ung thư M.D. Anderson, Texas, Hoa kỳ; Từ 01/5/2000 đến 30/4/2001.

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước:

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: số bằng:; năm cấp:.....

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài:

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ:.....

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước):

d) Đối tượng khác ; Diễn giải:

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ):

- Chứng chỉ B2 Khung tham chiếu Ngôn ngữ chung châu Âu: cấp ngày 29/5/2013; Số PG785; Nơi cấp: Trường Đại học Hà Nội, Việt Nam.

- Chứng chỉ C: cấp ngày 01/7/1995; Số C69490; Nơi cấp: Sở Giáo dục Đào tạo Hải Phòng, Việt Nam.

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2/BSNT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH/CK2/BSNT	Chính	Phụ			
1	Phạm Tuấn Anh	✓			✓	2017-2021	Trường Đại học Y Hà Nội	15/10/2021 Số hiệu: 10364
2	Đặng Tiến Giang		HVCH	✓		2016-2017	Trường Đại học Y Hà Nội	11/01/2018 Số hiệu: A182088
3	Nguyễn Văn Chiêu		HVCH	✓		2016-2017	Trường Đại học Y Hà Nội	11/01/2018 Số hiệu: A182086
4	Hoàng Thị Ngọc Mai		HVCH	✓		2017-2018	Trường Đại học Y Hà Nội	03/12/2018 Số hiệu: 2000388
5	Nguyễn Thu Thủy		HVCH	✓		2017-2018	Trường Đại học Y Hà Nội	03/12/2018 Số hiệu: 2000397
6	Đông Chí Kiên		HVCH	✓		2018-2019	Trường Đại học Y Hà Nội	16/12/2019

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

								Số hiệu: 2001113
7	Hoàng Phan Quỳnh Trang		HVCH	✓		2018-2019	Trường Đại học Y Hà Nội	16/12/2019 Số hiệu: 2001128
8	Vũ Thị Trang		HVCH	✓		2018-2019	Trường Đại học Y Hà Nội	16/12/2019 Số hiệu: 2001129
9	Vũ Thị Thu Thảo		HVCH	✓		2019-2020	Trường Đại học Y Hà Nội	15/01/2021 Số hiệu: 2002092
10	Trần Việt Hoàng		BSNT	✓		2019-2020	Trường Đại học Y Hà Nội	21/01/2021 Số hiệu: 2002613
11	Nguyễn Thị Lan		CK2		✓	2019-2020	Trường Đại học Y Hà Nội	11/01/2021 Số hiệu: 009575
12	Phan Hữu Long		HVCH	✓		2019-2020	Trường Đại học Y Hà Nội	15/01/2021 Số hiệu: 2002083
13	Trần Thị Hòa Bình		HVCH	✓		2020-2021	Trường Đại học Y Hà Nội	28/02/2022 Số hiệu: YHN2 003444
14	Phạm Thị Diệu		HVCH	✓		2020-2021	Trường Đại học Y Hà Nội	28/02/2022 Số hiệu: YHN2 003447
15	Bùi Thành Lập		BSNT		✓	2020-2021	Trường Đại học Y Hà Nội	08/03/2022 Số hiệu: YHN2 003909
16	Nguyễn Thị Lý Linh		BSNT	✓		2020-2021	Trường Đại học Y Hà Nội	08/03/2022 Số hiệu: YHN2 003922
17	Phạm Thị Thu Trang		CK2	✓		2021-2022	Trường Đại học Y Hà Nội	17/01/2023 Số hiệu: 011848
18	Lữ Việt Thắng		BSNT	✓		2021-2022	Trường Đại học Y Hà Nội	06/01/2023 Quyết định số: 32/QĐ-ĐHYHN Chưa cấp bằng

Ghi chú: Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai thông tin về hướng dẫn NCS.

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên:

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDĐH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
I Trước khi được công nhận Tiến sĩ							
1	Sàng lọc và phát hiện sớm bệnh ung thư	TK	Nhà xuất bản Y học 2007	7		Thư ký biên soạn và tham gia biên soạn	1921/QĐ-ĐHYHN
2	Bệnh ung thư phổi	TK	Nhà xuất bản Y học 2009	38		Thư ký biên soạn và tham gia biên soạn: - Từ trang 134 đến trang 144 - Từ trang 286 đến trang 307. - Từ trang 367 đến trang 381. - Từ trang 399 đến trang 412	1921/QĐ-ĐHYHN
3	Điều trị nội khoa bệnh ung thư	TK	Nhà xuất bản Y học 2011	9		Tham gia biên soạn	2140/QĐ-ĐHYHN
4	Thực hành điều trị nội khoa bệnh ung thư	HD	Nhà xuất bản Y học 2013	28		Tham gia biên soạn	4793/QĐ-ĐHYHN
5	Sổ tay điều trị nội khoa ung thư	HD	Nhà xuất bản Y học 2014	14		Tham gia biên soạn	4793/QĐ-ĐHYHN
II Sau khi được công nhận Tiến sĩ							
6	Hóa trị một số bệnh ung thư phụ khoa, tiết niệu	TK	Nhà xuất bản Y học 2015	16		Tham gia biên soạn	4793/QĐ-ĐHYHN
7	Hướng dẫn chẩn đoán và điều trị một số bệnh ung thư thường gặp	HD	Nhà xuất bản Y học 2016	27		Tham gia biên soạn	4793/QĐ-ĐHYHN
8	Chẩn đoán và điều trị ung thư vú, hệ tiết niệu, sinh dục	TK	Nhà xuất bản Y học 2017	35		Tham gia biên soạn	4793/QĐ-ĐHYHN
9	Hướng dẫn chăm sóc người bệnh ung thư	TK	Nhà xuất bản Y học 2019	68		Tham gia biên soạn	
10	Hướng dẫn chẩn đoán và điều trị bệnh ung thư thường gặp	TK	Nhà xuất bản Y học 2019	29		Tham gia biên soạn: - Từ trang 274 đến trang 326	398/GXN-HVYDHCTVN

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản, mà ứng viên là chủ biên sau PGS/TS: [],.....

Lưu ý:

- Chỉ kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có)).

- Các chữ viết tắt: CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phần ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang.... đến trang..... (ví dụ: 17-56; 145-329).

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu:

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
I	Trước khi được công nhận Tiến sĩ				
1	Nghiên cứu dịch tễ học, chẩn đoán, điều trị, phòng chống một số bệnh ung thư ở Việt nam (vú, gan, dạ dày, phổi, máu)	Tham gia	Cấp Nhà nước. Mã số: KC.10.06	2001-2006	21/04/2006 Mức B
2	Đánh giá hiệu quả của thuốc ức chế men aromatase trong điều trị hỗ trợ bệnh nhân ung thư vú đã mãn kinh có thụ thể nội tiết dương tính	Tham gia	Cấp Bộ	2006-2008	10/12/2008 Mức B
3	Nghiên cứu ứng dụng một số kháng thể đơn dòng trong điều trị ung thư	Tham gia	Cấp Bộ	2006-2008	26/07/2011 Trung bình
4	Nghiên cứu ứng dụng công nghệ cao trong chẩn đoán và điều trị một số bệnh ung thư thường gặp	Tham gia	Cấp Nhà nước. Mã số: KC.10.14/06-10	2007-2011	24/03/2011 Khá
5	Nghiên cứu đánh giá hiệu quả điều trị trong ung thư phổi không tế bào nhỏ bằng hóa- xạ trị đồng thời	Chủ nhiệm	Cấp Bộ	2008-2014	25/12/2014 Trung bình
6	Nghiên cứu ứng dụng các tiến bộ mới trong chẩn đoán và điều trị bệnh ung thư vú	Tham gia	Cấp Nhà nước. Mã số: KC.10.17/11-15	2012-2015	11/01/2016 Khá
7	Đánh giá bước đầu hóa trị liệu tân bổ trợ phác đồ AP trong ung thư vú giai đoạn III không mổ được	Chủ nhiệm	Cấp cơ sở	2012	30/08/2012

8	Đánh giá hiệu quả của phác đồ đơn chất Vinorelbine trong điều trị ung thư vú tái phát di căn	Chủ nhiệm	Cấp cơ sở	2013	18/12/2013
9	Đánh giá hiệu quả phác đồ đơn hóa chất Capecitabine trong điều trị ung thư vú tái phát di căn	Chủ nhiệm	Cấp cơ sở	2014	27/08/2014
II	Sau khi được công nhận Tiến sĩ				
10	Đánh giá hiệu quả của phác đồ Paclitaxel/Carboplatin trong điều trị ung thư buồng trứng không biểu mô tái phát di căn	Chủ nhiệm	Cấp cơ sở	2015	16/12/2015
11	Đánh giá hiệu quả của phác đồ đơn hóa chất gemcitabine trên bệnh nhân ung thư biểu mô buồng trứng tái phát, di căn kháng thuốc platin	Chủ nhiệm	Cấp cơ sở	2016	12/09/2016
12	Nghiên cứu thử nghiệm lâm sàng ngẫu nhiên, mù đôi, hai nhóm song song đánh giá các thông số dược động học, dược lực học và tính an toàn, hiệu quả trong dự phòng và điều trị giảm bạch cầu đa nhân trung tính (BCĐNTT) do hóa trị của sản phẩm Pegcyte (pegfilgrastim) của công ty Nanogen trên bệnh nhân ung thư vú	Chủ nhiệm	Cấp Bộ	2016-2018	28/06/2018 Đạt
13	Thử nghiệm Dược lý Z-100: Thử nghiệm ngẫu nhiên, có đối chứng với giả dược của thuốc Z-100 kết hợp với xạ trị trên bệnh nhân ung thư cổ tử cung tiến xa - khu trú tại vùng (Thử nghiệm TOPAZ)	Tham gia	Cấp Bộ	2018-2021	13/07/2022 Đạt
14	Nghiên cứu ngẫu nhiên, mù đôi, đối chứng với giả dược của thuốc Z-100 kết hợp với xạ trị trên bệnh nhân ung thư cổ tử cung tiến xa tại chỗ - Thử nghiệm lâm sàng pha III	Tham gia	Cấp Bộ	2015-2021	03/11/2022 Đạt
15	Đánh giá kết quả điều trị hóa trị tân bổ trợ AC 4T Dose dense trong điều trị ung thư vú	Đồng chủ nhiệm	Cấp cơ sở	2017	25/12/2017

16	Đánh giá kết quả điều trị bệnh nhân ung thư biểu mô buồng trứng tái phát nhạy cảm platin bằng phác đồ Liposomal Doxorubicin – Carboplatin tại bệnh viện K	Chủ nhiệm	Cấp cơ sở	2018	12/2018 Mức A
17	Đánh giá kết quả điều trị bệnh nhân ung thư vú di căn đã mãn kinh thất bại với liệu pháp nội tiết ức chế Aromatase bằng Fulvestrant	Chủ nhiệm	Cấp cơ sở	2018	12/2018 Mức A
18	Đánh giá kết quả điều trị phác đồ Topotecan bước 2 trên bệnh nhân ung thư cổ tử cung tái phát, di căn tại Bệnh viện K	Chủ nhiệm	Cấp cơ sở	2019	12/2019 Mức A
19	Đánh giá sự suy giảm chức năng tình dục trên bệnh nhân nữ ung thư vú điều trị hóa chất	Chủ nhiệm	Cấp cơ sở	2019	12/2019 Mức B
20	Đánh giá kết quả điều trị phác đồ Gemcitabin- Carboplatin trên bệnh nhân ung thư vú tái phát, di căn tại Bệnh viện K	Chủ nhiệm	Cấp cơ sở	2019	12/2019 Mức A
21	Đánh giá kết quả hóa trị phác đồ Paclitaxel trong ung thư biểu mô buồng trứng tái phát tại Bệnh viện K	Chủ nhiệm	Cấp cơ sở	2021	31/12/2021 Mức B
22	Đánh giá kết quả điều trị bệnh nhân ung thư biểu mô buồng trứng tái phát kháng Platinum bằng phác đồ Liposomal Doxorubicin tại Bệnh viện K	Tham gia	Cấp cơ sở	2021	31/12/2021 Mức A
23	Đánh giá hiệu quả phác đồ Docetaxel kết hợp Trastuzumab trong điều trị bước 1 ung thư vú tái phát di căn Her2/ neu dương tính	Chủ nhiệm	Cấp cơ sở	2022	26/12/2022 Mức B
24	Đánh giá kết quả điều trị hóa chất phác đồ Cisplatin - Paclitaxel trong điều trị ung thư cổ tử cung tái phát, di căn xa tại Bệnh viện K	Chủ nhiệm	Cấp cơ sở	2022	26/12/2022 Mức A
25	Đánh giá kết quả hỗ trợ trước ung thư vú bộ ba âm tính giai đoạn II-III tại Bệnh viện K	Tham gia	Cấp cơ sở	2022	26/12/2022 Mức A

- Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

7.1.a. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố:

TT	Tên bài báo	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Năm công bố
I	Trước khi được công nhận Tiến sĩ							
1	Các yếu tố ảnh hưởng đến đáp ứng hoá chất trong điều trị u limphô ác tính không Hodgkin tại Bệnh viện K từ 1996 đến 1998	03		Tạp chí thông tin Y dược ISSN: 0868-3891			Số chuyên đề Ung thư (11/1999), 192-196	1999
2	Các yếu tố tiên lượng trong điều trị hoá chất u limphô ác tính không Hodgkin	03		Tạp chí thông tin Y dược ISSN: 0868-3891			Số chuyên đề Ung thư (8/2000), 271-279	2000
3	Viên Panacrin điều trị hỗ trợ trên bệnh nhân ung thư gan và ung thư dạ dày và u limphô ác tại Bệnh viện K	08		Tạp chí thông tin Y dược ISSN: 0868-3891			Số chuyên đề Ung thư (8/2000), 313-318	2000
4	Nội soi đường tiêu hoá trên chẩn đoán ung thư dạ dày- thực quản tại Bệnh viện K (6/1996-6/2001)	06		Tạp chí Y học ISSN: 0866-7241			Số 431, 10/2002, 65-69	2002
5	Kết quả thử nghiệm tác dụng hỗ trợ miễn dịch của thuốc Angala trên bệnh nhân ung thư vú đang điều trị hoá chất	05		Tạp chí Y học ISSN: 0866-7241			Số 431, 10/2002, 210-214	2002

6	Nhận xét tình trạng u lymphô ác tính không Hodgkin thâm nhiễm tuỷ xương và chuyển thể bệnh bạch cầu lymphô cấp tại Bệnh viện K (2000-2001)	07		Tạp chí Y học ISSN: 0866-7241		Số 431, 10/2002, 342-346	2002
7	Kết quả bước đầu điều trị ung thư vú di căn sau điều trị hoá chất phác đồ có anthracyclin bằng hoá chất phác đồ phối hợp docetaxel và doxorubicin	03		Tạp chí Y học TP. Hồ Chí Minh ISSN: 1859-1779		Tập 6 (phụ bản số 4), 274-279	2002
8	Bước đầu sử dụng Leukokine-Yếu tố tăng sinh dòng bạch cầu hạt tại khoa Hóa chất-Bệnh viện K	03		Tạp chí Y học ISSN: 0866-7241		Số 489, 155-158	2004
9	Những điều cần biết về thụ thể nội tiết estrogen và ứng dụng	04		Tạp chí Ung thư học Việt Nam ISSN: 1859-400		Số 1+2, 41-46	2006
10	Nghiên cứu điều trị hóa chất tân bổ trợ phác đồ CAF trong ung thư vú giai đoạn III không mổ được	06	✓	Tạp chí Y học thực hành ISSN: 0866-7241		Số 541, 160-172	2006
11	Nghiên cứu hoá trị phác đồ paclitaxel-carboplatin trong ung thư biểu mô buồng trứng giai đoạn III đã phẫu thuật	05	✓	Tạp chí Y học TP. Hồ Chí Minh ISSN: 1859-1779		Tập 10, phụ bản số 4, 430-439	2006
12	Những điều cần biết về bệnh ung thư phổi	01	✓	Tạp chí Ung thư học Việt Nam ISSN: 1859-400		Số 2, 25-27	2007

13	Nghiên cứu điều trị hóa chất phác đồ paclitaxel, epirubicin và cyclophosphamide (PEC) cho ung thư vú di căn	02	✓	Tạp chí Y học TP. Hồ Chí Minh ISSN: 1859-1779			Tập 11, phụ bản số 4, 334-340	2007
14	Đánh giá kết quả điều trị hóa chất hỗ trợ phác đồ 4 AC- 4 paclitaxel trên bệnh nhân ung thư vú giai đoạn II-III	03		Tạp chí Ung thư học Việt Nam ISSN: 1859-400			Số 01, 260-266	2008
15	Kết quả điều trị hỗ trợ bằng thuốc anastrozole cho bệnh nhân ung thư vú giai đoạn II-III đã mãn kinh có thụ thể nội tiết dương tính	02	✓	Tạp chí Y học TP. Hồ Chí Minh ISSN: 1859-1779			Tập 12 (phụ bản số 4), 247-255	2008
16	Kết quả bước đầu điều trị hóa chất phác đồ TAC trên bệnh nhân ung thư vú di căn có thụ thể nội tiết dương tính	04		Tạp chí Ung thư học Việt Nam ISSN: 1859-400			Số 1, 67-71	2009
17	Đánh giá hiệu quả của phác đồ hóa chất hỗ trợ FAC trên bệnh nhân ung thư vú giai đoạn II	04		Tạp chí Ung thư học Việt Nam ISSN: 1859-400			Số 1, 458-462	2010
18	Kết quả bước đầu hoá trị liệu tân hỗ trợ phác đồ AP trong ung thư vú giai đoạn III không mổ được	04	✓	Tạp chí Ung thư học Việt Nam ISSN: 1859-400			Số 01, 364-370	2012
19	Vai trò tiên lượng của các đặc điểm mô bệnh học ung thư vú giai đoạn III được hoá trị liệu tiên phẫu phác đồ AP	04	✓	Tạp chí Y học thực hành ISSN: 1859-1663			Số 894, 199-204	2013

20	Nghiên cứu đánh giá hiệu quả điều trị trong ung thư phổi không tế bào nhỏ bằng hóa- xạ trị đồng thời	09		Tạp chí Y học thực hành ISSN: 1859-1663		Số 12 (899), 47-52	2013
21	Đánh giá hiệu quả của phác đồ đơn hóa chất capecitabine trong điều trị ung thư vú di căn	03	✓	Tạp chí Ung thư học Việt Nam ISSN: 1859-400		Số 2, 550-555	2014
II	Sau khi được công nhận Tiến sĩ						
<i>Các bài báo Quốc tế</i>							
22	Combined Large-Cell Neuroendocrine and Squamous Cell Carcinoma of the Uterine Cervix with a Personal History of the Primary Breast Duct Carcinoma in situ: A Clinicopathological Characteristic and Outcome	05	✓	Case Reports in Oncology E-ISSN: 1662-6575	ISI, Scopus, PubMed IF: 0.967 Citescore : 1.4 DOI: 10.1159/000526337	September ; 15 (2), 770–775	2022
23	The Breast Enriched HER2 Molecular Subtype-Like Salivary Duct Carcinoma: A Good Response to Novel Targeted Therapy in Two Advanced Disease Cases	05		Open Access Library Journal ISSN Print: 2333-9705 ISSN Online: 2333-9721	IF: 0.73 DOI: 10.4236/oalib.1109089	Vol.9 No.8, August, 1-8	2022
24	Fibromatosis-Like Metaplastic Carcinoma: A Triple-Negative Breast Cancer with Clinically Indolent Behavior	06		Case Reports in Oncology E-ISSN: 1662-6575	ISI, Scopus, PubMed IF: 0.967 Citescore: 1.4 DOI: 10.1159/000526535	December ; 15 (3), 816–826	2022

25	Clinical and paraclinical features, outcome, and prognosis of ovarian granulosa cell tumor: A retrospective study of 28 Vietnamese women	05	✓	Rare Tumors ISSN: 2036-3605 E-ISSN: 2036-3613	ISI, Scopus, PubMed IF: 1.045 Citescore : 1.4 DOI: 10. 1177/203 6361322 1148547	Volume 14, 1–12	2022
26	Synchronous papillary thyroid carcinoma and renal epithelioid angiomyolipoma with hepatic metastasis or concurrence: A clinicopathological characteristic and outcome	07	✓	Open Access Library Journal ISSN Print: 2333-9705 ISSN Online: 2333-9721	IF: 0.73 DOI: 10.4 236/oalib. 1109736	Vol.10 No.3, March, 1-11	2023
27	Prolonged response to first-generation tyrosine kinase inhibitor in a metastatic non-small cell lung cancer harbouring complex G719X and S768I mutations: A case report from Vietnam and literature review	05		Respirology Case Reports Online ISSN: 2051-3380	ISI, Scopus, PubMed IF: 0.747 Citescore : 1.3 DOI: 10. 1002/rcr 2.1131	Vol.11, Issue 5, March, 1-6	2023
28	Pathological complete response and survival of HER2-positive invasive breast cancer following docetaxel, carboplatin, and trastuzumab neoadjuvant therapy: a Vietnamese experience	05	✓	Oncology in Clinical Practice ISSN: 2450-1654 E-ISSN: 2450-6478	ISI, Scopus, IF: 0.385 Citescore : 1.0 DOI: 10. 5603/OC P.2023.0 020	May 2023, 1-9	2023

29	Rare <i>T263P</i> epidermal growth factor receptor extracellular domain mutation of advanced non-small cell lung cancer in a Vietnamese male patient	06		Respirology Case Reports Online ISSN: 2051-3380	ISI, Scopus, PubMed IF: 0.747 Citescore : 1.3 DOI: 10.1002/rcr.2.1170		Vol.11, Issue 7, June, 1-4.	2023
30	Neoadjuvant Doxorubicin-Paclitaxel Combined Chemotherapy in Patients with Inoperable Stage III Breast Cancer: A Retrospective Cohort Study with 10 Years of Follow-Up in Vietnam	06	✓	Oncology and Therapy ISSN: 2366-1070 E-ISSN: 2366-1089	ISI, Scopus, Pubmed Citescore : 1.7 https://doi.org/10.1007/s40487-023-00233-8		June, 2023	2023
Các bài báo trong nước								
31	Đánh giá hiệu quả của phác đồ đơn hóa chất vinorelbine đường uống trong điều trị ung thư vú tái phát di căn	03	✓	Tạp chí Y học lâm sàng- Bệnh viện Trung ương Huế ISSN: 1859-3895			Số 26, 17-21	2015
32	Nhân một trường hợp u cơ trơn vòi trứng	03		Tạp chí Y học Việt Nam ISSN: 1859-1868			Tháng 10- Số 2, Tập 435, 75-77	2015
33	Tổng quan điều trị trúng đích trong ung thư vú có thụ thể HER2 dương tính	03		Tạp chí Y học quân sự ISSN: 1859-1655			Số 311 (12/2015), 48-50	2015
34	Báo cáo ca lâm sàng: 3 ung thư nguyên phát trên một bệnh nhân	03		Tạp chí Y học Việt Nam ISSN: 1859-1868			Tháng 6- Số 2, Tập 443, 108-109	2016

35	Đánh giá kết quả sớm điều trị hóa chất hỗ trợ trước bằng phác đồ Taxanes- Doxorubicin (TA) kết hợp phẫu thuật bảo tồn trên bệnh nhân ung thư vú giai đoạn II (T2;N0,1;M0)	04		Tạp chí Ung thư học Việt Nam ISSN: 1859-400		Số 4, 30-36	2016
36	Đánh giá kết quả phác đồ Gemcitabine trên bệnh nhân ung thư biểu mô buồng trứng tái phát kháng Platin tại Bệnh viện K từ năm 2014-2016	02	✓	Tạp chí Ung thư học Việt Nam ISSN: 1859-400		Số 4, 112-118	2016
37	Đánh giá hiệu quả của phác đồ paclitaxel/carboplatin trong điều trị ung thư buồng trứng không biểu mô tái phát di căn	04		Tạp chí Y dược học Quân sự ISSN: 1859-0748		Tập 42, Số 6, Tháng 8, 149-153	2017
38	Kết quả điều trị u tuyến nước bọt mang tai tại Bệnh viện Đại học y Hà Nội	03		Tạp chí Y học Việt Nam ISSN: 1859-1868		Tập 462, Tháng 1, Số 2, 83-86	2018
39	Đánh giá kết quả hóa trị hỗ trợ của phác đồ 4AC-12P trên bệnh nhân ung thư vú giai đoạn II-III A tại Bệnh viện K	02		Tạp chí Y học thực hành ISSN: 1859-1663		Số 9 (1079), 36-38	2018
40	Hiệu quả của Pegfilgrastim trong dự phòng sốt hạ bạch cầu do hóa trị	04		Tạp chí Y học Việt Nam ISSN: 1859-1868		Tập 471, Tháng 10, Số chuyên đề Ung thư, 3-7	2018
41	Thời gian sống thêm 5 năm của ung thư vú giai đoạn III không mổ được tại Bệnh viện K	01	✓	Tạp chí Y học Việt Nam ISSN: 1859-1868		Tập 471, Tháng 10, Số chuyên đề Ung thư, 56-61	2018

42	Đánh giá đáp ứng điều trị và độc tính phác đồ docetaxel-capecitabine trên bệnh nhân ung thư vú tái phát di căn	05		Tạp chí Y học Việt Nam ISSN: 1859-1868		Tạp 471, Tháng 10, Số chuyên đề Ung thư, 300-305	2018
43	Kết quả hóa trị phác đồ gemcitabine – carboplatin trong ung thư buồng trứng tái phát tại Bệnh viện K	02		Tạp chí Y học thực hành ISSN: 1859-1663		Số 8 (1106), 6-9	2019
44	Đánh giá kết quả điều trị bệnh nhân ung thư vú di căn đã mãn kinh thất bại với liệu pháp nội tiết ức chế aromatase bằng fulvestrant	02		Tạp chí Y học thực hành ISSN: 1859-1663		Số 8 (1107), 225-228	2019
45	Đánh giá kết quả bước đầu hóa trị vinorelbine kết hợp trastuzumab trên bệnh nhân ung thư vú di căn có HER2 dương tính tại Bệnh viện K	04		Tạp chí Y học Việt Nam ISSN: 1859-1868		Tháng 8, Số 2, 79-83	2019
46	Đánh giá độc tính phác đồ topotecan trên bệnh nhân ung thư cổ tử cung tiến triển tại Bệnh viện K	03		Tạp chí Y học Việt Nam ISSN: 1859-1868		Tháng 3, Số 2- 2020, Tập 488, 196- 200	2020
47	Đánh giá kết quả điều trị bước đầu ung thư cổ tử cung tái phát di căn bằng phác đồ bevacizumab kết hợp hóa chất	06		Tạp chí Ung thư học Việt Nam ISSN: 1859-400		Số 1, 220-223	2020
48	Đánh giá kết quả điều trị phác đồ gemcitabine-carboplatin trên bệnh nhân ung thư vú tái phát, di căn	03	✓	Tạp chí Y học Việt Nam ISSN: 1859-1868		Tháng 6, Số 1, Tập 491, 257-260	2020

49	Đánh giá kết quả điều trị bệnh nhân ung thư biểu mô buồng trứng tái phát bằng phác đồ Liposomal Doxorubicin-Carboplatin tại Bệnh viện K	03		Tạp chí Y học Việt Nam ISSN: 1859-1868			Tháng 6, Số 2, Tập 491, 71-74	2020
50	Đánh giá hiệu quả phác đồ topotecan đơn trị trên bệnh nhân ung thư cổ tử cung tái phát, di căn thất bại với platinum tại Bệnh viện K	02		Tạp chí Y học Việt Nam ISSN: 1859-1868			Tháng 8, Số 2, Tập 493, 33-37	2020
51	Đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng và kết quả điều trị sarcôm tử cung tại Bệnh viện K	03		Tạp chí Y học Việt Nam ISSN: 1859-1868			Tháng 8, Số 2, Tập 493, 152-156	2020
52	Một số yếu tố liên quan tới thời gian sống thêm không tiến triển bệnh ung thư cổ tử cung tái phát di căn điều trị phác đồ platinum kết hợp bevacizumab tại Bệnh viện K	03		Tạp chí Y học Việt Nam ISSN: 1859-1868			Tháng 12, Số chuyên đề Ung thư, tập 497, 263-269	2020
53	Đánh giá kết quả hóa trị phác đồ paclitaxel-carboplatin trên bệnh nhân ung thư nội mạc tử cung di căn tại Bệnh viện K	03		Tạp chí Y học Việt Nam ISSN: 1859-1868			Tháng 12, Số chuyên đề Ung thư, Tập 497, 327-332	2020
54	Đánh giá kết quả điều trị bệnh nhân ung thư biểu mô buồng trứng tái phát bằng phác đồ paclitaxel tại Bệnh viện K	02		Tạp chí Y học lâm sàng- Bệnh viện Trung ương Huế ISSN: 1859-3895			Số 74, 51-56	2021

55	Đánh giá thời gian sống thêm không tiến triển ung thư cổ tử cung tái phát – di căn điều trị phác đồ có platinum tại Bệnh viện K	03		Tạp chí Y học lâm sàng- Bệnh viện Trung ương Huế ISSN: 1859-3895		Số 74, 57-61	2021
56	Kết quả hóa trị phác đồ chứa platin trong điều trị ung thư biểu mô tuyến vú có bộ ba âm tính tái phát di căn	03		Tạp chí Y học Việt Nam ISSN: 1859-1868		Tháng 11- Số 1, Tập 508, 277-281	2021
57	Kết quả điều trị ung thư nội mạc tử cung giai đoạn III tại Bệnh viện K	03		Tạp chí Y học Việt Nam ISSN: 1859-1868		Tháng 4- Số 2, Tập 513, 233-238	2022
58	Đánh giá sự suy giảm chức năng tình dục liên quan hóa trị ở phụ nữ ung thư vú tại Bệnh viện K	02	✓	Tạp chí Y học Việt Nam ISSN: 1859-1868		Tháng 7- Số 2, Tập 516, 164-168	2022
59	Kết quả điều trị chuỗi hóa trị và thuốc kháng EGFR trên bệnh nhân ung thư phổi giai đoạn muộn	02	✓	Tạp chí Y học Việt Nam ISSN: 1859-1868		Tháng 7- Số 2, Tập 516, 310-314	2022
60	Đánh giá kết quả điều trị ung thư biểu mô buồng trứng tái phát kháng platinum bằng liposomal doxorubicin tại Bệnh viện K giai đoạn 2018-2021	02	✓	Tạp chí Y học Việt Nam ISSN: 1859-1868		Tháng 8- Số 1, Tập 517, 297-301	2022
61	Đánh giá kết quả hóa trị phác đồ paclitaxel trong ung thư vú tái phát di căn	02		Tạp chí Y học Việt Nam ISSN: 1859-1868		Tháng 8- Số 1, Tập 517, 308-312	2022

62	Đánh giá kết quả hóa trị bổ trợ docetaxel và cyclophosphamid trên bệnh nhân ung thư vú giai đoạn I, II	02		Tạp chí Y học Việt Nam ISSN: 1859-1868			Tháng 8- Số 1, Tập 517, 328-332	2022
63	Kết quả sống thêm ở bệnh nhân ung thư vú bộ ba âm tính tái phát di căn hóa trị phác đồ gemcitabine- carboplatin.	02	✓	Tạp chí Nghiên cứu Y học- Trường Đại học Y Hà Nội ISSN: 2354-080X			Tập 156, Số 8, Tháng 08, 120-129	2022
64	Sống thêm toàn bộ và một số yếu tố ảnh hưởng trên bệnh nhân ung thư phổi giai đoạn IV điều trị kháng EGFR sau hóa chất bước một	02	✓	Tạp chí Y học Việt Nam ISSN: 1859-1868			Tháng 9- Số 1, Tập 518, 339-343	2022
65	Đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng và thời gian sống thêm của bệnh nhân ung thư tinh hoàn tại Bệnh viện K	02	✓	Tạp chí Nghiên cứu Y học- Trường Đại học Y Hà Nội ISSN: 2354-080X			Tập 160, Số 12V2, Tháng 12, 190-197	2022
66	U đệm dây sinh dục buồng trứng: Giá trị hạn chế của chỉ số nguy cơ ác tính	02	✓	Tạp chí Y học Việt Nam ISSN: 1859-1868			Tháng 12- Số 1, Tập 521, 66-69	2022
67	Hội chứng Meig: Tổng quan tài liệu và báo cáo ca bệnh	02	✓	Tạp chí Y học Việt Nam ISSN: 1859-1868			Tháng 12- Số 1, Tập 521, 290-292	2022

68	Đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng và điều trị nhóm u xơ- vô buồng trứng tại Bệnh viện K	02	✓	Tạp chí Y học Việt Nam ISSN: 1859-1868			Tháng 12- Số 2, Tập 521, 104- 107	2022
69	Một số yếu tố ảnh hưởng đến kết quả điều trị bằng paclitaxel trên bệnh nhân ung thư biểu mô buồng trứng tái phát kháng paltinum	02	✓	Tạp chí Y học Việt Nam ISSN: 1859-1868			Tháng 12- Số 2, Tập 521, 111- 115	2022
70	Sống thêm không bệnh tiến triển và một số yếu tố liên quan trên bệnh nhân ung thư phổi giai đoạn muộn điều trị Pembrolizumab	02	✓	Tạp chí Y học Việt Nam ISSN: 1859-1868			Tháng 1- Số 1, Tập 522, 125- 129	2023
71	Đánh giá kết quả điều trị phẫu thuật và hoá trị bổ trợ Paclitaxel- Carboplatin trên bệnh nhân UTBM buồng trứng giai đoạn III tại Bệnh viện K	02		Tạp chí Y học Việt Nam ISSN: 1859-1868			Tháng 2- Số 2, Tập 523, 12-17	2023
72	Đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng của bệnh nhân ung thư vú bộ ba âm tính tái phát di căn	02	✓	Tạp chí Y học Việt Nam ISSN: 1859-1868			Tháng 2- Số 2, Tập 523, 112-116.	2023
73	Yếu tố tiên lượng từ các bệnh nhân ung thư biểu mô buồng trứng giai đoạn III được điều trị phẫu thuật công phá u và hoá trị bổ trợ tại Bệnh viện K	02	✓	Tạp chí Y học Việt Nam ISSN: 1859-1868			Tháng 2- Số 2, Tập 523, 179-184	2023
74	Đánh giá kết quả sống thêm và một số yếu tố liên quan của phác đồ paclitaxel trong ung thư vú tái phát di căn	02	✓	Tạp chí Y học Việt Nam ISSN: 1859-1868			Tháng 3- Số 1A, Tập 524, 98-103	2023

75	Đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng của bệnh nhân ung thư tụy giai đoạn tiến triển, di căn tại Bệnh viện K	02	✓	Tạp chí Y học Việt Nam ISSN: 1859-1868			Tháng 3- Số 1A, Tập 524, 216-220	2023
76	Đánh giá kết quả sống thêm và một số yếu tố liên quan của phác đồ BEP trên bệnh nhân ung thư tinh hoàn giai đoạn di căn	02	✓	Tạp chí Y học Việt Nam ISSN: 1859-1868			Tháng 4- Số 2, Tập 525, 30-35	2023
77	Hiệu quả phác đồ gemcitabine-capecitabine trong điều trị ung thư biểu mô tuyến tụy tại Bệnh viện K	02	✓	Tạp chí Y học Việt Nam ISSN: 1859-1868			Tháng 4- Số 2, Tập 525, 175-179	2023
78	Hiệu quả điều trị bước 1 phác đồ docetaxel kết hợp trastuzumab trên ung thư vú HER2 dương tính tái phát, di căn tại Bệnh viện K	02	✓	Tạp chí Y học lâm sàng Bệnh viện Trung ương Huế ISSN: 1859-3895			Số 85, 132-138	2023
79	Thời gian sống thêm bệnh nhân ung thư dạ dày dưới 40 tuổi sau phẫu thuật triệt căn tại Bệnh viện K	02	✓	Tạp chí Y học Việt Nam ISSN: 1859-1868			Tháng 5- Số 1B, Tập 526, 303-307	2023
80	Đánh giá kết quả hỗ trợ trước ung thư vú bộ ba âm tính giai đoạn II-III tại Bệnh viện K, giai đoạn 2020-2022	02		Tạp chí Y học Việt Nam ISSN: 1859-1868			Tháng 6- Số 2, Tập 527, 317-321	2023

- Trong đó: Số bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế có uy tín mà UV là tác giả chính sau khi được công nhận TS là **04 bài báo (số TT: [22], [25], [28], [30])**.

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

7.1.b. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố (Dành cho các chuyên ngành thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự được quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg)

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Thuộc danh mục tạp chí uy tín của ngành	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I	Trước khi được công nhận PGS/TS						
1							
2							
II	Sau khi được công nhận PGS/TS						
1							
2							

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học uy tín của ngành mà UV là tác giả chính sau PGS/TS:

7.2. Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/đồng tác giả	Số tác giả
1					
2					
...					

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp, là tác giả chính sau PGS/TS:

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế (đối với ngành Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao)

TT	Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu TDTT	Cơ quan/tổ chức công nhận	Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm)	Giải thưởng cấp Quốc gia/Quốc tế	Số tác giả
1					
2					
...					

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc tế, là tác giả chính/hướng dẫn chính sau PGS/TS:

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

TT	Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN	Vai trò UV (Chủ trì/Tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế	Ghi chú
1						
2						
...						

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng):

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm (UV PGS), còn thiếu (số lượng năm, tháng):

- Giờ giảng dạy

+ Giờ chuẩn giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

+ Giờ chuẩn giảng dạy quy đổi không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH,CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UV chức danh GS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu:

.....

+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT (UV chức danh PGS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng ThS/CK2/BSNT bị thiếu:

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UV chức danh GS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu:

.....

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu:

.....

- Không đủ số CTKH là tác giả chính sau khi được bổ nhiệm PGS hoặc được cấp bằng TS:

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH ; 04 CTKH

Đề xuất sách CKUT/chương sách của NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định:

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH

Đề xuất sách CKUT/chương sách NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định:

Chú ý: Đối với các chuyên ngành bí mật nhà nước thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự, các tiêu chuẩn không đủ về hướng dẫn, đề tài khoa học và công trình khoa học sẽ được bù bằng điểm từ các bài báo khoa học theo quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg.

d) Biên soạn sách phục vụ đào tạo (đối với ứng viên GS)

- Không đủ điểm biên soạn sách phục vụ đào tạo:

- Không đủ điểm biên soạn giáo trình và sách chuyên khảo:

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Hà Nội, ngày 22 tháng 06 năm 2023

NGƯỜI ĐĂNG KÝ



Lê Thanh Đức